Lệ 5: Hôn nhân trắc trở thành góa phụ

Ví dụ 5: Ly hôn ở cuộc hôn nhân đầu, chết ở cuộc hôn nhân thứ hai; chịu số phận góa bụa.

Người nữ, sinh giờ Thìn tháng mười năm ất mùi, cung Mệnh ở vị quí mùi, không chủ tinh,cung Di có tham vũ.

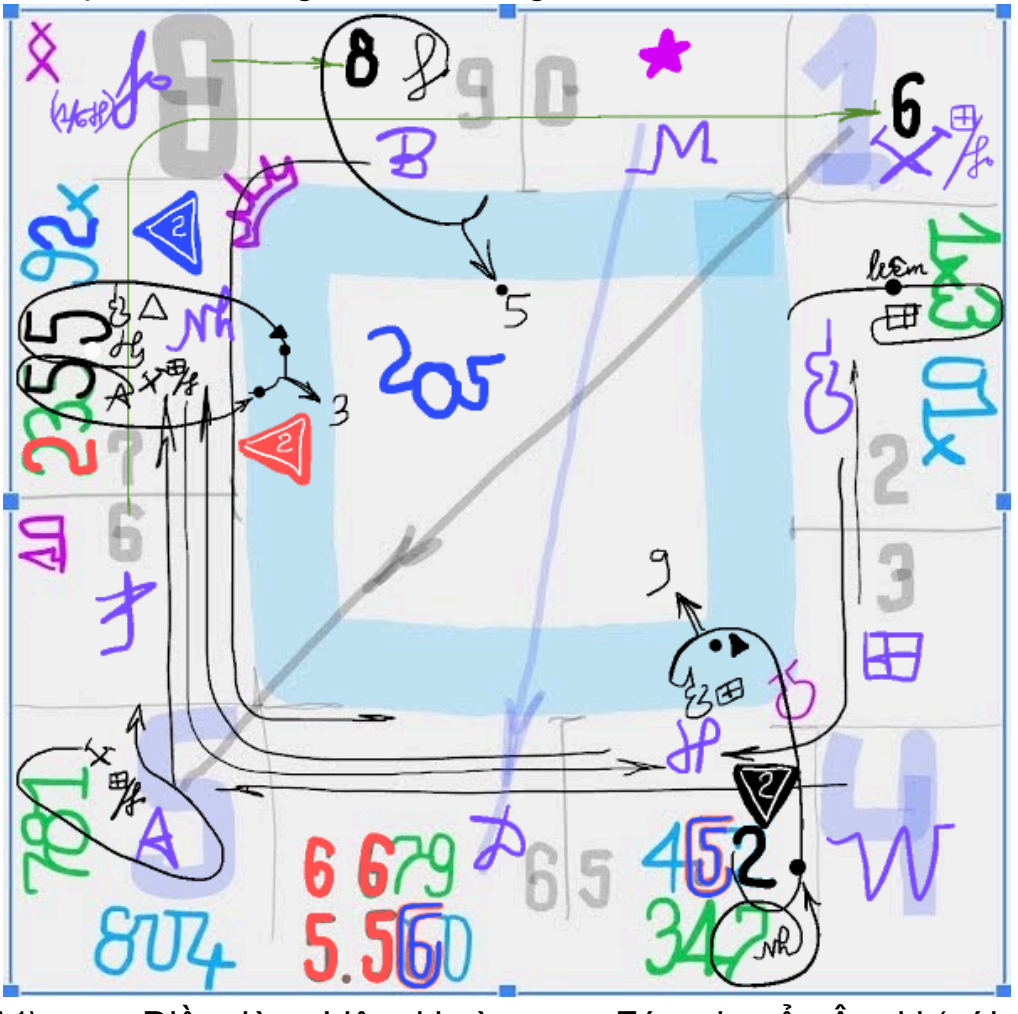

\1\ cung Điền dùng Liêm-kị vào cung Fúc, chuyển Âm-kị (với kị) đến cung Hữu, hội với Niên-kị, Hữu và Phối 1-6 cộng tông, thành song kị,

**[(Điền\3\liêm3-kị Fúc\2\>\âm2-kị Hữu\5’:(1K)\+) +(Niên\2* \âm2- kị Hữu\5’: (2//K) (1-6: phối /+)]*

Họ dễ hối tiếc trong cuộc hôn nhân của mình.

\2\ cung Hữu đắc Niên-kị, chuyển (đương nhiên) thiên cơ kị (với song kị) vào cung Nhi xung Điền (Chuyển kị lần thứ hai), và cung Lão, vị Điền của Phối, dùng nhật-kị xuất đến

đối cung Ách, cũng chuyển cơ-kị vào cung Nhi xung Điền (3kị),
***[(Hữu\5'\(nK)\>\ cơ.5- kị Nhi\7: (>|<Điền)\+) +(Lão\1: (Điền"Phối)\ nhật >>kị< Ách\5 \>\ cơ.5- kị Nhi\7: (>|<Điền) (3K)\+)],*
\3\ cộng 2 thức trên, vậy là cung Điền, Lão cộng thành 3kị phá cung Hữu, dấu hiệu trong nhà không có người chồng.
\4\ cung Phối dụng xương-kị vào cung Bào xung Hữu, Phối cộng tông 1-6 với Hữu, trình 4kị đại phá.
**[((Phối\8 \xương8- kị Bào\9\ (1K) (>|<Hữu)\+) +(Hữu\5': (K—2K)\+) +(phối\8: (1-6) Hữu\5') (4K) \+))\>(\ vũ.9>>kị Di\6'\]*
\5\ rồi cung Bào dụng vũ-kị chuyển 4kị kị xuất vào cung Di, cuộc hôn nhân tan biến như sương khói._chú: cung cộng tông lục vị Phối phá hủy hôn nhân, xâu chuỗi vào cung Điền, Lão trình 4kị kị xuất, thật hợp lý khi bà sống một mình trong nhà mà không có chồng và già đi trong cô đơn.

例五：一婚離、二婚死，本就寡宿其命

坤造乙未<1955>年10月辰時生，命宮癸未無主星，遷移坐武曲、貪狼。
1.「田宅」〈丙戌〉化廉貞忌入「福德」〈乙酉〉，轉太陰〈挾忌〉忌入「交友」〈夫妻的「共宗六位」〉逢「生年忌」呈「雙忌」，容易婚姻上的天倫有憾。
2.「交友」〈戊子〉既坐「生年忌」，自當轉天機〈挾雙忌〉忌入「子女」沖「田宅」〈二度轉忌〉；而「父母」〈婚姻的「田宅」〉〈甲申〉以太陽忌入「疾厄」〈戊寅〉〈父母「忌出」〉，轉而亦化天機〈挾忌〉忌入「子女」沖「田宅」。
3.合1+2式，則「田宅」與「父母」共匯「三忌」破于「交友」，厝內無夫象。
4.「夫妻」〈辛巳〉化文昌忌入「兄弟」沖「交友」，則婚姻的「共宗六位」呈「四忌大破」。
5.轉「兄弟」〈壬午〉化武曲〈挾四忌力〉忌入「遷移」，婚姻煙消霧散。
批：此即「夫妻」破婚姻的「共宗六位」，串聯于「田宅」、「父母」呈「四忌忌出」於「遷移」，宜其宅內無夫、終老孤獨相。
注：此例引自《道藏飛秘》140～141頁